

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam biến động giằng co, kết phiên tăng điểm trước sự ảnh hưởng nhóm cổ phiếu ngành Tài chính với thanh khoản giảm.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm trái ngược với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

GEG, VND

[Cập nhật công ty]

BID, VLB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chỉ tham gia trading với 1 tỷ trọng thấp, kê mua khi giá cổ phiếu điều chỉnh về lại hỗ trợ và tránh mua đuổi trong các nhịp tăng vượt đỉnh.

01/06/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,078.39	+0.30
VN30	1,068.09	+0.17
HĐTL VN30F1M	1,065.00	+0.23
HNXIndex	223.97	+0.52
HNX30	418.23	-0.16
UPCoM	83.51	+1.78
USD/VND	23,486	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.12	-2
Lãi suất qua đêm (%)	3.91	+23
Dầu (WTI, \$)	68.31	+0.32
Vàng (LME, \$)	1,955.39	-0.37



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,078.39 (+0.30%)
KLGD (triệu CP) 820.2 (-3.3%)
GTGD (triệu US\$) 590.2 (-12.4%)

TTCK Việt Nam biến động giằng co, kết phiên tăng điểm trước sự ảnh hưởng nhóm cổ phiếu ngành Tài chính với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại GEX (+6.8%), NKG (-1%), HSG (-1.3%).

HNXIndex 223.97 (+0.52%)
KLGD (triệu CP) 118.0 (-13.1%)
GTGD (triệu US\$) 69.3 (-14.1%)

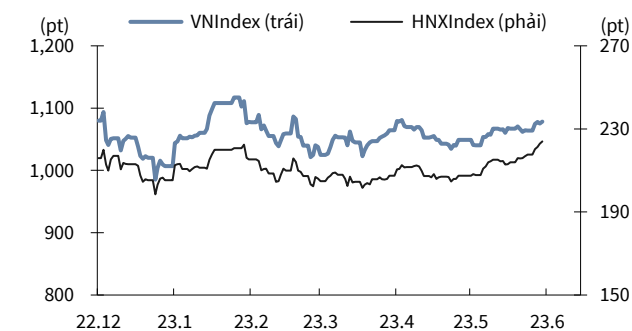
Giá heo hơi ngày hôm nay 1/6/2023 tại thị trường ba miền giảm tới 2,000 đ/kg. Hiện giá heo hơi ba miền đang giao dịch ở mức 54,000 - 60,000 đ/kg. Giá cổ phiếu nhóm Chăn nuôi giảm giá ở DBC (-2.00%), HAG (-0.73%).

UPCoM 83.51 (+1.78%)
KLGD (triệu CP) 76.1 (-32.8%)
GTGD (triệu US\$) 32.4 (-8.6%)

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ 4, giá dầu thô Brent giảm 1.11 USD xuống 72.6 USD/thùng, trong khi giá dầu thô WTI của Mỹ giảm 1.37 USD xuống 68.09 USD/thùng. Giá cổ phiếu nhóm Dầu khí giảm giá ở PVS (-1.29%), PVD (-1.24%). Prime gửi tin ạ

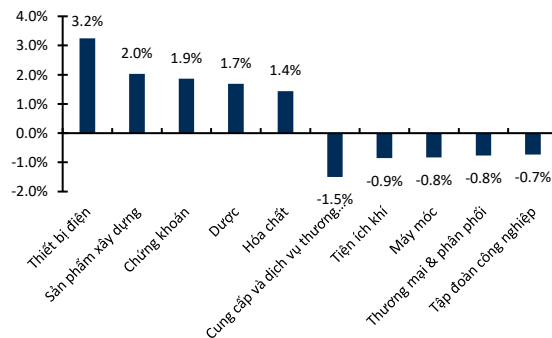
NDTNN mua ròng (triệu US\$) -4.7

VNIndex & HNXIndex



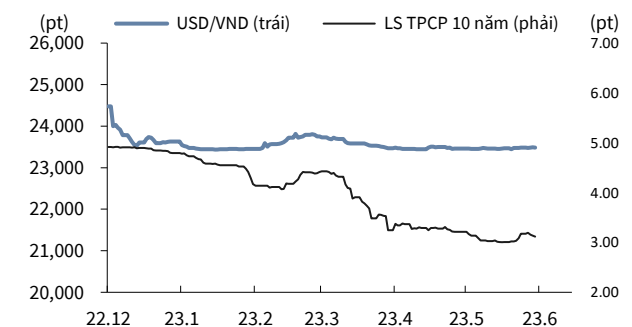
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



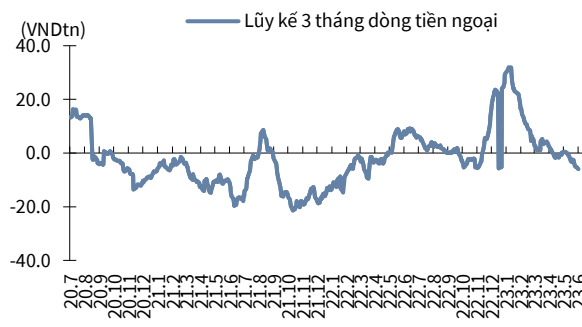
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

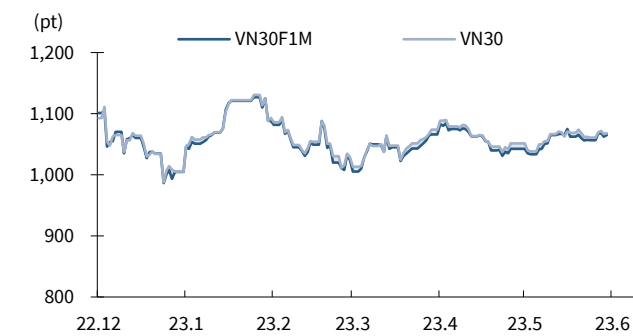
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30 1,068.09 (+0.17%)
VN30F1M 1,065.0 (+0.23%)
Mở cửa 1,062.0
Cao nhất 1,065.0
Thấp nhất 1,056.7

Các HĐTL tăng điểm trái ngược với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2306 và VN30 giảm xuống mức thấp nhất tại -6.4 điểm sau đó biến động trong biên độ âm quanh mức -4.38 điểm và đóng cửa tại -3.09 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

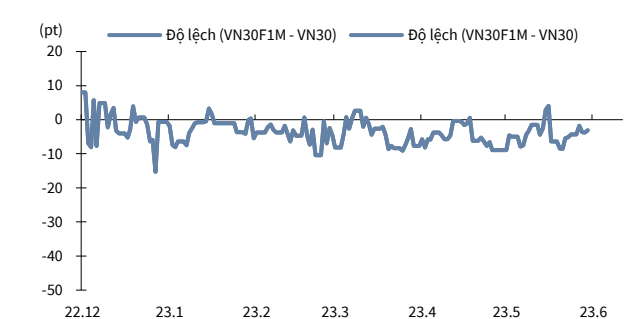
KLGD (HĐ) 151,977 (+14.3%)

HĐTL VN30F1M & VN30



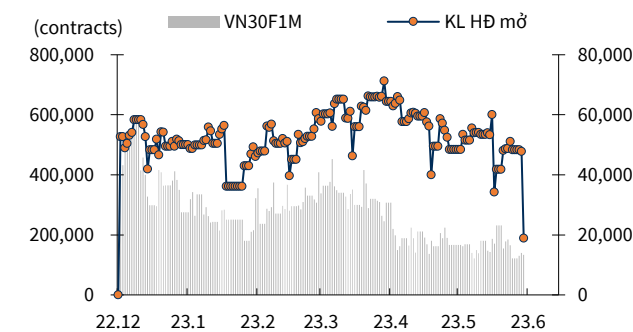
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



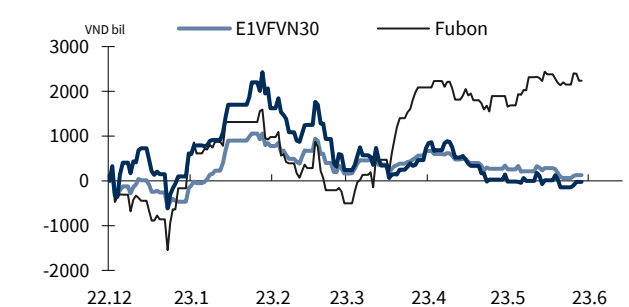
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

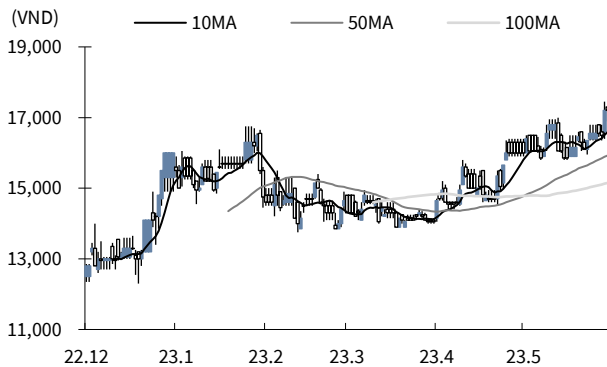
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

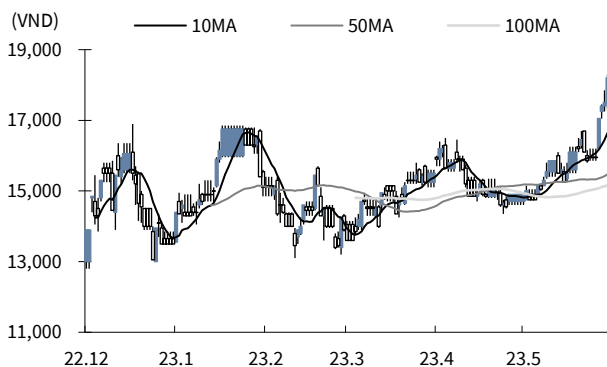
CTCP Điện Gia Lai (GEG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GEG đóng cửa ở mức tham chiếu 17,200 VND/cp
- Công ty cổ phần Điện Gia Lai dự kiến phát hành 19.3 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:6. Thời gian thực hiện dự kiến phát hành trong năm 2023 sau khi công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Vốn điều lệ thực góp dự kiến sau khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức là 4,054.5 tỷ đồng.

CTCP Chứng khoán VNDIRECT



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VND tăng 4% lên 18,200 VND/cp
- Năm 2023, CTCP Chứng khoán VNDirect đặt kế hoạch lợi nhuận sau thuế đạt 1,600 tỷ đồng (+17% YoY). Trong đó, VNDirect đặt mục tiêu tăng trưởng mạnh trong mảng dịch vụ đầu tư nguồn vốn với kế hoạch doanh thu 480 tỷ đồng (+182% YoY), mảng dịch vụ đầu tư tài chính gần như không thay đổi so với cùng kỳ, ở mức 1,620 tỷ đồng. Trong khi đó, doanh thu mảng dịch vụ chứng khoán dự kiến lại giảm xuống 860 tỷ đồng (-35% YoY).

31/05/2023

Chuyên viên phân tích Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

1Q2023, LNTT đạt 6,920 tỷ VND, tăng 53.3% YoY

1Q2023, BID có thu nhập lãi thuần đạt 13,936 tỷ VND (+8.7% YoY); TOI đạt 17,278 tỷ VND (+6.5% YoY). Chi phí trích lập dự phòng đạt 5,527 tỷ VND (-25.2% YoY) khiến LNTT đạt 6,920 tỷ VND (+53.3% YoY).

Tăng trưởng tín dụng kì vọng đạt 11-12% năm 2023

KBSV kì vọng tăng trưởng tín dụng đạt 11-12% dựa trên: (1) Các động thái giảm lãi suất điều hành để kéo nền lãi suất cho vay xuống thấp, qua đó cải thiện nhu cầu tín dụng. (2) Thanh khoản được đảm bảo dù tăng trưởng huy động khách hàng vẫn ở mức thấp nhờ các động thái bơm ròng của NHNN qua kênh OMO.

Kì vọng NIM được cải thiện nhẹ trong 2H2023

KBSV kì vọng NIM của BID sẽ có sự cải thiện nhẹ trong 2H2023 dựa trên động thái giảm lãi suất điều hành của NHNN giúp giảm chi phí đầu vào bình quân trong khi biến động lãi suất đầu ra sẽ có độ trễ hơn cũng như lãi suất cho vay cần được điều chỉnh phù hợp với mức độ rủi ro của từng khoản vay.

Bộ đệm dự phòng lớn là cơ sở để giảm trích lập dự phòng trong năm 2023

Ban lãnh đạo BID đề ra kế hoạch trích lập dự phòng trong khoảng 20-21 nghìn tỷ VND, giảm 13% Yoy. Đây là thử thách lớn tuy nhiên có cơ sở nhờ bộ đệm dự phòng của BID đã tích lũy trong các năm trước với tỷ lệ bao phủ nợ xấu tính đến thời điểm hiện tại đạt 171.3%, cao thứ 3 toàn ngành.

Khuyến nghị NĂM GIỮ, giá mục tiêu 46,300 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với cổ phiếu BID. Giá mục tiêu cho năm 2023 là 46,300VND/cp, cao hơn 5.2% so với giá tại ngày 31/05/2023.

NĂM GIỮ Duy trì

Giá mục tiêu	VND46,300
Tăng/Giảm	5.2%
Giá hiện tại (31/05/2023)	VND44,000
Giá mục tiêu thị trường	VND44,600
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	222,575

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	46,823	56,070	61,935	69,068
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	43,028	47,025	51,938	57,663
LNST (tỷ VND)	10,841	18,420	20,611	24,811
EPS (VND)	2,084	3,590	4,018	4,842
Tăng trưởng EPS (%)	20%	72%	12%	21%
PER (x)	21.1	12.3	11.0	9.1
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	17,066	20,597	23,815	27,857
PBR (x)	2.58	2.14	1.85	1.58
ROE (%)	13.1%	19.3%	18.3%	19.0%

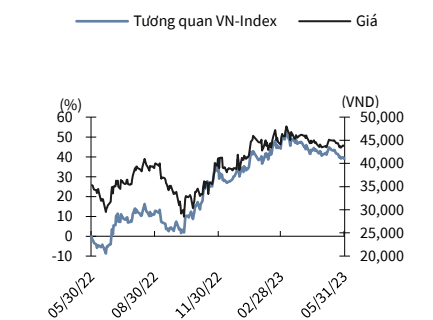
Nguồn: Fiinpro, KBSV

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	4.01%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	34.8/1.5
Sở hữu nước ngoài (%)	17.24%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (80.99%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	0	-9	6	22
Tương đối	-3	-11	4	39



Nguồn: Bloomberg, KBSV



CTCP Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa (VLB)

Cơ hội bứt phá

Chuyên viên phân tích Nghiêm Sỹ Tiến
tienss@kbsec.com.vn

Lợi nhuận Quý 1 lãi 35.96 tỷ đồng, giảm 17.3% so với cùng kỳ

Hưởng lợi từ giải ngân vốn đầu tư công

VLB có lợi thế mỏ đá xây dựng với trữ lượng dồi dào, thời hạn cấp phép khai thác lâu dài

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 36,100 VNĐ/cổ phiếu

Theo BCTC Quý 1/2023 được VLB công bố, doanh thu thuần giảm 8.8% so với cùng kỳ, đạt 248.61 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế cũng giảm 17.3% so với quý 1/2022, chỉ đạt mức 35.96 tỷ đồng.

Năm 2023 Quốc hội đã thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2023 với tổng vốn hơn 700,000 tỷ đồng, với hàng loạt dự án trọng điểm trải dài từ Bắc vào Nam. Trong đó, trọng tâm đầu tư vào dự án sân bay Long Thành và cơ sở hạ tầng đường bộ, cao tốc ở khu vực phía Nam. Vì vậy, nhu cầu tiêu thụ đá xây dựng tại khu vực này sẽ rất lớn.

Bộ Giao thông Vận tải nhận định, nhu cầu về đá xây dựng trong giai đoạn từ 2023 – 2025 sẽ cần ít nhất 21.5 triệu m3. Trong khi đó, tại phía Nam nguồn cung mỏ đá đang tương đối hạn chế do phần lớn đã hết thời hạn khai thác hoặc đang trong quá trình xin giấy phép gia hạn. Do đó, những doanh nghiệp đang sở hữu những mỏ đá có trữ lượng dồi dào cùng với giấy phép khai thác đã được gia hạn sẽ có lợi thế cạnh tranh không nhỏ.

Dựa trên phương pháp định giá từng phần (SOTP), cùng với các triển vọng về tiêu thụ đá xây dựng cũng như các rủi ro có thể phát sinh, mức giá mục tiêu cho năm 2023 là 36,100 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 24% so với mức giá đóng cửa ngày 30/05/2023

Mua

Giá mục tiêu	36,100 VNĐ/cp
Tăng/giảm (%)	24%
Giá hiện tại (30/05/2023)	29,100
Vốn hoá (tỷ VNĐ)	1,443.67

Dự phóng KQKD & định giá

	2020A	2021A	2022A	2023F
Doanh thu thuần (tỷ VNĐ)	1,110	942	1,275	1,280
EBIT	211	133	224	225
LN sau CĐTS	182	126	(23)	189
EPS (VNĐ)	3,868.89	2,689.84	(494.77)	4,013.6
Thay đổi EPS (%)		-30%	-118%	-911%
P/E (x)	13.6	14.7	-43.23	9.0
EV/EBITDA	8.98	9.89	4.91	5.72
P/B (x)	3.48	3.51	2.52	2.8
ROE (%)	26.9%	18.2%	-3.86%	32%
Tỷ suất cổ tức (%)	20%	20%	36%	20%

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	40%
GTGD TB 3 tháng (Tỷ VNĐ)	5.98
Sở hữu nước ngoài (%)	0.02%
Cổ đông lớn	TCTCNTP Đồng Nai (49%) Công ty TNHH Đầu tư KSB (9.57%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	4	-4	2	-15
Tương đối	1	-8	4	2



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex giảm điểm giảm co trong phiên trước khi dần hồi phục và tăng nhẹ về cuối phiên.
- Lực mua chủ động một lần nữa gia tăng quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1070 đã giúp cho chỉ số sớm lấy lại đà tăng điểm sau một nhịp điều chỉnh giảm co. Trong kịch bản tích cực, VNIndex đang có nhiều cơ hội tiếp tục quán tính tăng điểm trong phiên tiếp theo và thử thách lại ngưỡng cản gần quanh 1080
- NĐT được khuyến nghị chỉ tham gia trading với 1 tỷ trọng thấp, kê mua khi giá cổ phiếu điều chỉnh về lại hỗ trợ và tránh mua đuổi trong các nhịp tăng vượt đỉnh.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1075 - 1078

Kháng cự gần: 1069 - 1072

Hỗ trợ gần: 1059 - 1061

Hỗ trợ xa: 1053 - 1056

— F1 giảm điểm giằng co trong phiên trước khi dần hồi phục và tăng nhẹ về cuối phiên.

— Lực mua chủ động một lần nữa gia tăng quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1055 đã giúp cho chỉ số sớm lấy lại đà tăng điểm sau một nhịp điều chỉnh giằng co. Trong kịch bản tích cực, F1 đang có nhiều cơ hội tiếp tục quán tính tăng điểm trong phiên tiếp theo và thử thách lại ngưỡng cản gần quanh 107x

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

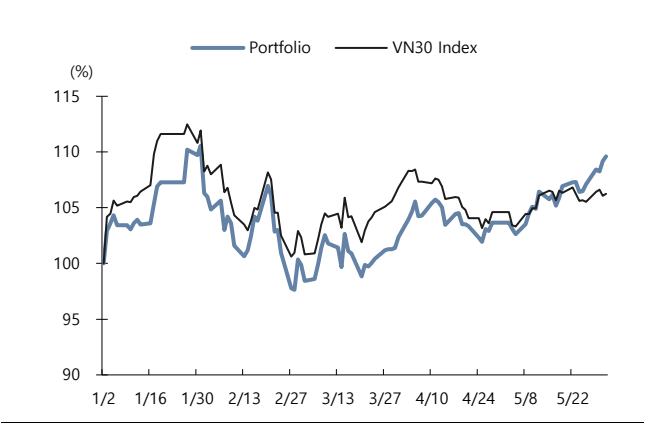
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.17%	0.41%
Tăng lũy kế (YTD)	6.26%	9.62%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 01/06/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	39,300	0.3%	1.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	23,450	1.3%	11.9%	- Tiếp tục giữ vị trí dư nợ cho vay kỷ lục lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	70,300	-0.8%	22.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	26,150	4.6%	6.7%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	19,600	-2.0%	14.6%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	83,500	-0.7%	244.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	27,950	-0.2%	47.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	92,000	-0.9%	25.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,400	0.9%	92.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	28,500	1.6%	177.4%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FRT	1.9%	49.0%	22.6
NVL	3.0%	12.9%	17.0
DIG	3.8%	29.8%	15.2
SSI	1.3%	43.4%	14.3
VIC	0.0%	22.2%	12.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	0.0%	8.6%	-26.3
HAH	-1.4%	55.0%	-25.0
GEX	6.8%	5.6%	-24.2
CTG	-0.2%	96.6%	-24.1
GAS	-0.9%	11.6%	-20.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-1.3%	4.5%	15.4
DTD	0.0%	0.4%	7.2
VCS	0.0%	1.1%	1.4
CEO	-0.4%	59.7%	0.5
MBG	3.3%	1.2%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SD5	9.5%	20.8%	-2.0
PLC	2.5%	1.1%	-1.5
IDC	0.2%	7.0%	-1.4
BVS	1.3%	3.3%	-0.9
NVB	3.0%	15.8%	-0.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	8.1%	VPG, TSC, BTT, TNA
Thiết bị điện	7.8%	GEX, SAM, CAV, RAL
Hóa chất	7.2%	GVR, DGC, DPM, DCM
Sản phẩm xây dựng	7.0%	VGC, BMP, SHI, DAG
Máy móc	6.6%	TCH, HHS, SRF, SHA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	-3.1%	DRC, CSM, PAC, TNC
Tiện ích khí	-2.8%	GAS, PGD, PMG
Bao bì & đóng gói	-1.5%	TDP, SVI, MCP, TPC
Quản lý & phát triển bất động sản	-1.3%	VHM, VIC, NVL, BCM
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-1.1%	TNH, JVC, VMD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	16.9%	PGV, NT2, PPC, TTA
Máy móc	14.2%	TCH, HHS, SRF, SHA
Sản phẩm xây dựng	13.8%	VGC, BMP, SHI, DAG
Chứng khoán	13.4%	SSI, VND, HCM, VCI
Thương mại & phân phối	11.9%	VPG, TSC, BTT, TNA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-7.8%	SAB, BHN, SMB, SCD
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-6.9%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Phụ tùng oto	-5.6%	DRC, CSM, PAC, TNC
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-4.0%	TNH, JVC, VMD
Vận tải hàng không & Logistics	-3.9%	TMS, SCS, STG, ASG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	94,363 (4.0)	22.5	70.1	64.2	14.7	2.5	2.7	1.8	1.7	0.0	-1.1	-0.2	-3.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	78,561 (3.3)	26.6	7.8	7.3	35.9	18.6	17.2	1.4	1.2	-0.9	-3.6	7.1	10.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	84,537 (3.6)	17.8	15.6	13.9	-7.6	10.8	11.9	1.7	1.6	-0.9	-3.1	-3.1	2.1
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	253,883 (10.8)	31.3	-	-	6.7	-	-	-	-	3.0	5.3	-2.8	-0.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	52,425 (2.2)	11.6	23.1	15.9	13.7	7.8	11.3	1.7	1.6	-1.0	0.0	-1.3	10.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	261,278 (11.1)	13.9	37.0	27.8	-	2.8	3.6	-	-	1.7	9.0	12.2	18.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	56,624 (2.4)	6.3	13.1	11.4	11.7	23.0	21.0	2.6	2.1	-0.1	0.8	3.8	17.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	27,492 (1.2)	12.7	11.5	9.5	-5.3	20.3	20.4	1.9	1.6	-0.2	0.3	0.9	13.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	104,728 (4.5)	0.0	5.2	4.5	14.3	16.8	16.2	0.8	0.7	1.2	1.7	2.7	17.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	97,269 (4.1)	1.4	8.2	6.6	50.3	16.4	17.7	1.1	0.9	-0.2	1.3	-3.1	2.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	157,701 (6.7)	0.0	8.6	6.6	18.8	13.8	14.6	1.1	0.9	0.5	1.0	-2.5	8.4
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	125,831 (5.4)	0.0	4.6	3.9	14.6	22.2	20.7	0.9	0.7	1.1	1.9	1.9	9.9
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	33,100 (1.4)	4.2	4.3	4.5	23.3	25.4	20.0	1.0	0.8	1.1	-4.6	-1.1	16.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	421,327 (18.0)	14.0	7.4	4.3	26.5	19.4	25.1	1.1	0.9	1.1	3.7	10.7	24.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	93,650 (4.0)	0.0	6.8	5.9	37.4	20.6	20.5	1.2	1.0	4.6	11.8	9.9	24.2
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	64,111 (2.7)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	2.7	7.8	10.3	-10.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	23,295 (1.0)	21.0	15.7	14.1	15.8	10.1	10.6	1.5	1.4	0.3	-1.0	-2.8	-6.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,686 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	3.6	5.1	8.1	14.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	422,773 (18.0)	55.4	19.4	15.7	-3.2	8.3	10.2	1.6	-	1.3	4.2	8.8	32.5
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	162,443 (6.9)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	0.7	2.5	9.6	49.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	133,264 (5.7)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.1	5.4	9.8	37.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	438,409 (18.7)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	4.0	14.8	22.1	34.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	101,710 (4.3)	42.1	15.8	14.6	4.0	29.0	30.6	4.0	3.8	0.0	-1.5	-5.6	-13.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	18,072 (0.8)	36.9	22.1	20.2	7.3	21.2	21.5	3.8	4.2	0.1	0.1	-8.0	-5.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	57,364 (2.4)	16.5	38.9	18.2	-51.9	8.0	12.9	3.6	3.6	-0.3	-0.3	-1.8	-22.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	19,502 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.0	9.2	8.3	-3.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	61,234 (2.6)	11.0	84.3	45.8	-88.5	5.9	11.2	-	-	0.0	-0.5	0.5	-11.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	33,743 (1.4)	10.8	12.5	16.4	-57.0	22.4	11.9	1.8	1.7	1.8	2.4	-3.0	12.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	125,869 (5.4)	38.4	14.0	11.4	65.7	2.4	3.8	0.8	0.9	-0.6	4.5	21.1	35.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	232,848 (9.9)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	6.8	15.0	25.5	33.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	36,485 (1.6)	3.6	-	-	-52.4	-	-	-	-	0.0	0.0	8.5	94.5
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	28,951 (1.2)	0.0	10.5	9.6	-4.5	15.9	15.3	1.5	1.4	-0.3	0.5	6.0	-1.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	37,034 (1.6)	46.1	15.3	15.2	-17.5	19.0	18.2	2.8	2.6	-0.9	-2.9	-0.9	-9.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,263 (0.9)	31.4	14.2	12.3	-10.5	15.1	17.1	2.1	2.1	0.0	0.3	4.6	14.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,860 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	0.3	1.0	1.3	22.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	358,340 (15.3)	18.0	13.9	9.9	21.9	9.1	11.8	1.2	1.1	0.9	0.9	-1.2	18.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	60,601 (2.6)	36.5	7.9	9.4	-0.5	15.2	11.6	0.9	0.9	-0.9	1.3	-6.0	-26.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	55,823 (2.4)	46.5	10.9	9.3	-4.5	12.6	13.3	1.2	1.2	-0.8	3.0	1.7	-9.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	221,482 (9.4)	38.9	-	12.6	67.9	-0.7	6.7	0.8	0.7	-1.3	-1.9	-1.9	31.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	66,274 (2.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.3	5.5	10.0	69.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	24,774 (1.1)	4.6	16.5	1.4	-51.0	11.2	37.8	1.9	0.6	-0.1	0.3	0.0	18.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	133,636 (5.7)	39.9	19.2	12.8	-11.9	5.1	7.7	0.9	0.9	-1.2	-0.2	14.1	33.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	61,652 (2.6)	35.9	8.0	7.0	2.2	13.8	14.3	1.0	0.9	-0.7	0.2	3.4	-4.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	73,619 (3.1)	0.0	20.0	10.9	14.4	11.1	18.3	2.2	2.0	0.3	3.4	0.3	-8.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	23,584 (1.0)	0.0	13.2	10.8	2.4	20.5	21.8	2.4	2.0	-0.8	-1.3	-8.7	-21.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,265 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.2	7.0	20.6	38.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	32,681 (1.4)	30.3	43.8	18.2	-75.2	-	14.1	3.3	2.7	1.9	3.3	1.7	-5.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	28,451 (1.2)	34.6	11.0	10.9	41.2	17.6	15.8	1.8	1.6	0.0	3.6	15.2	20.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,563 (0.3)	45.4	11.9	11.0	10.7	25.6	24.6	3.0	2.6	2.6	-1.0	6.8	33.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	66,514 (2.8)	0.0	15.3	12.7	15.5	26.9	27.4	3.8	3.3	-0.7	0.4	7.7	8.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhh@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

